

CON NGƯỜI HIỆN SINH TRONG TIỂU THUYẾT VÀ KHI TRO BỤI CỦA ĐOÀN MINH PHƯỢNG

PHÚ THÙY HƯƠNG *

Tóm tắt: Trong vài thập niên trở lại đây, văn học Việt Nam đánh dấu những bước tiến đáng kể, gắn liền với sự phát triển vượt bậc của tiểu thuyết đương đại. Hàng loạt cây bút thử sức mình trong lối viết mới; bút pháp lạ, hấp dẫn và tiếp cận được những phương pháp sáng tác thịnh hành của văn học thế giới. Có những tác phẩm được viết bởi những cây bút già dặn, nhưng cũng không ít tác phẩm là sự thử sức của những tài năng mới. Đoàn Minh Phượng là một tài năng như vậy, chị lặng lẽ đến với văn chương, nhưng những trang văn của chị đã trở thành nỗi ám ảnh đối với nhiều độc giả với cảm thức hiện sinh của con người đương đại. Tiểu thuyết thành công nhất của chị - *Và khi tro bụi* là hành trình con người cô đơn đi tìm cái chết để tìm ra bí ẩn về cái chết. Nhưng đến khi cận kề cái chết lại khát khao sống một cuộc sống đích thực đúng nghĩa, sống bằng niềm tin, cội nguồn, trí nhớ của mình chứ không phải của người khác.

Từ khóa: Triết học hiện sinh, văn học hiện sinh, Đoàn Minh Phượng, *Và khi tro bụi*.

Abstract: Doan Minh Phuong is one of the most talented fiction writers in contemporary Vietnamese literature whose works have turned into obsessions by a contemporary sense of existentialism to readers. *And when this dust* which is her most celebrated novel is about the voyage of a loneliness human in search of death to found the secret of death. When the character comes very close to dying nevertheless, then has a thirsty for living a real-life, living with belief, original point, memory by herself but not others'.

Keywords: Existentialism philosophy, existentialism literature, Doan Minh Phuong, *And when this dust*.

1. Đặt vấn đề

Xuất hiện và phát triển mạnh ở miền Nam Việt Nam vào những năm 50, 60 của thế kỷ trước, chủ nghĩa hiện sinh đã nhanh chóng để lại những “dư chấn” trong lòng xã hội đương thời. Văn học hiện

sinh dần được định hình, tập trung vào những phạm trù cơ bản của triết học hiện sinh như vong thân, tha hóa, buồn nôn, phi lý, dẫn thân, nổi loạn, cô đơn, hư vô. Tuy có nhiều đánh giá trái chiều khác nhau nhưng dòng chảy hiện sinh vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ sau 1986 với những tên tuổi như Tạ Duy Anh, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Võ Thị Hảo, Y Ban, Nguyễn Ngọc Tư, Phan Thị Vàng Anh, Sương Nguyệt Minh, Thuận,... Trong đó, không thể không nhắc đến Đoàn Minh Phượng - nữ nhà văn Việt Nam sống ở hải ngoại cùng tiểu thuyết *Và khi tro bụi* - tác phẩm vinh dự đạt giải văn xuôi duy nhất của Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2007. Với tâm thức hiện sinh, mỗi câu chữ trong tác phẩm là dòng ý thức tuôn chảy của một con người xa xứ, lạc lõng nơi đất khách đang trên hành trình kiếm tìm bản thể, tìm kiếm quê hương.

2. Nội dung

2.1. Triết học hiện sinh và văn học hiện sinh

Triết học hiện sinh là một trào lưu văn hoá lớn ở phương Tây và nhân loại thế kỷ 20, có tác động sâu rộng trên nhiều lĩnh vực và ở nhiều quốc gia. Xuất hiện trong bối cảnh khủng hoảng và đổ vỡ, những quan niệm có ý nghĩa nhân văn của chủ nghĩa hiện sinh đã gây chấn động cả nhân loại vốn thường trực nỗi âu lo, sợ hãi. Bắt đầu với triết học hiện sinh, trào lưu này đi thẳng vào văn học hình thành nên trào lưu văn học hiện sinh ở Châu Âu (trước hết ở Pháp) và nhanh chóng lan rộng đến nhiều nước trên thế giới với giai đoạn thịnh vượng vào những năm 50, 60 của thế kỷ 20.

Thuyết hiện sinh được khởi nguồn từ Đức, sau du nhập vào Pháp và ảnh hưởng khắp Châu Âu từ

* ThS - Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc; Email: thuyhuong209@gmail.com

cuối thế kỷ 19, với các triết gia tiêu biểu: Friedrich Nietzsche (1844 - 1900), Søren Kierkegaard (1813 - 1855), Martin Heidegger (1889 - 1976), Karl Jasper (1883 - 1969), Maurice Merleau-Ponty (1908 - 1961),... Nó ảnh hưởng lớn, trực tiếp vào đời sống văn học, làm hình thành hai trường phái văn chương; phái hữu thần gồm hai nhà văn tiêu biểu: Gabriel Marcel và Jacques Maritain; phái vô thần có Jean - Paul Sartre, Albert Camus, Simone de Beauvoir,... Nhưng dù theo vô thần hay hữu thần, chủ nghĩa hiện sinh luôn “nhấn mạnh rằng, đời sống nhân loại chỉ có thể hiểu được thông qua sự hiện sinh của cá nhân, tức là thông qua kinh nghiệm riêng biệt của anh ta về cuộc đời” (Gordon E. Bigelow). Nó phá vỡ tính logic của sự kiện thời gian - con người hoàn toàn mù lòa trong thời gian, hoàn toàn mất phương hướng, lạc loài, vô vọng cả không gian và thời gian, trật tự tuyến tính của tất cả các sự kiện không chỉ bị đảo lộn mà còn hoàn toàn bị phá vỡ.

Triết học hiện sinh là triết học duy nhất của thế kỷ 20 đã đưa con người quay trở lại với con người, quay trở lại với diễn trường tâm lý khắc khoải của cõi nhân sinh. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi tất cả mọi thứ đều có thể được lập trình, thậm chí cả tâm hồn con người đã khiến nhân loại rơi vào hố thẳm cô đơn. Trong cô đơn, con người hướng về tương lai vô định và ám ảnh về cái chết với một nỗi bất an thường trực. Để vượt qua được những bi kịch tinh thần này, con người chỉ có thể sống và chấp thuận nhận lấy thái độ phản kháng. Chính trong quá trình phản kháng, những phẩm tính hiện sinh được thể hiện rõ, cũng tức là danh dự và giá trị làm người.

Tiếp biến hợp lý tinh thần của triết thuyết hiện sinh phương Tây, văn xuôi Việt Nam từ những năm đổi mới diễn giải nhiều về những dạng thức tâm lý hiện sinh tiêu biểu như cô đơn, lo âu, phản kháng thông qua các kiểu nhân vật tương ứng. Từ đây, trạng huống tinh thần của con người trong lòng xã hội Việt Nam đương đại được lột tả một cách khá đầy đủ và chân xác, đặc biệt là trong sáng tác của các nhà văn trẻ thập niên đầu thế kỷ 20. Dòng văn học mang cảm thức hiện sinh chính là “diễn trường” tâm trạng của con người hiện đại. Chưa bao giờ con người lại bị đặt trước sự thôi thúc phải truy tìm bản thể như bây giờ. Cũng chưa bao giờ con người phải đối mặt với nhiều bất an, hiểm họa như vậy. Hẳn nhiên, trước khi triết học

hiện sinh xuất hiện, con người không phải chưa từng cô đơn, chưa từng âu lo hay chưa từng mơ giấc mơ phản kháng. Nhưng dưới góc nhìn hiện sinh, cô đơn, âu lo, phản kháng đều theo một cách thức khác, với những tính chất khác. Cô đơn chủ yếu trong hành trình khẳng định nhân vị, âu lo trước những hiểm họa tiềm tàng, khi con người nhận thức rõ hơn bao giờ hết sự mỏng manh của phận người, và khát khao phản kháng tự chung cũng chỉ để khẳng định nhu cầu không ngừng vươn lên và vượt qua chính mình. Vì vậy, tinh thần nhân bản của học thuyết hiện sinh, có lẽ biểu hiện tập trung ở cách nêu và trả lời câu hỏi về bản thể: con người, anh là ai? Nó xuất hiện trong những bước ngoặt của lịch sử, gắn với những khủng hoảng, bi kịch, đau khổ, tan vỡ và con người nhận ra thân phận nhỏ bé, cô đơn, kiếp trầm luân đời mình trong cõi đời hư vô, phi lý.

2. Con người hiện sinh trong tiểu thuyết *Và khi tro bụi* của Đoàn Minh Phụng

2.1. Đoàn Minh Phụng với tiểu thuyết “*Và khi tro bụi*”

Đoàn Minh Phụng là một nữ nhà văn Việt Nam sống ở hải ngoại. Sáng tác đầu tiên của chị được độc giả trong nước chú ý, đón nhận là tiểu thuyết *Và khi tro bụi*. Với tâm thức hiện sinh, mỗi câu chữ trong tác phẩm là dòng ý thức tuôn chảy của một con người xa xứ, lạc lõng nơi đất khách đang trên hành trình kiếm tìm bản thể, tìm kiếm quê hương. Để lý giải những vấn đề triết lý đời sống trong thế giới hiện đại, chị xây dựng những hình tượng nhân vật bị chấn thương. Đó là những con người cô độc trong một thế giới bất toàn, bơ vơ kiếm tìm giá trị bản thể, thậm chí tuyệt vọng tìm đến cái chết hoặc tìm phương cách chạy trốn để giải thoát. Những kiểu nhân vật như An Mi, Michael, Marcus mang đến những cảm thức của thời đại mới: Sự hoang mang của con người trước vấn đề sống chết, hành trình đi tìm bản thể, tìm quê hương để biết rằng: Tôi là ai?

Đoàn Minh Phụng sinh ra tại Sài Gòn, là Việt kiều từng sinh sống tại Born (Đức). Chị vừa là nhà văn, vừa là tác giả kịch bản, đạo diễn phim đạt được nhiều giải thưởng danh giá: giải Phim Châu Á hay nhất tại Liên hoan phim Quốc tế Bangkok năm 2006, giải *Phim truyện nhựa hay nhất* tại Liên hoan phim Quốc tế Las Palmas, *Giải thưởng đặc*

biệt của ban giám khảo tại Liên hoan phim Quốc tế Rotterdam 2005 và giải *Phim đầu tay hay nhất* tại Liên hoan phim Quốc tế Kerala 2005 tại Ấn Độ. Cuốn tiểu thuyết đầu tay *Và khi tro bụi* được nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2007. Năm 2010, Đoàn Minh Phượng tiếp tục ra mắt tiểu thuyết *Mưa ở kiếp sau* gây được nhiều sự chú ý. Chỉ qua hai cuốn tiểu thuyết này, phong cách của chị đã được định hình. Đó là một cách viết vừa lạnh lùng, vừa nồng ấm với chất triết lý suy tưởng thâm trầm trong từng trang văn. Những nhân vật trong tác phẩm của chị dường như đều là sự hóa thân của nhà văn - kiểu nhân vật mang nhiều chấn thương từ quá khứ đến hiện tại, cô đơn với niềm đau câm lặng.

Và khi tro bụi là tác phẩm vừa có tính chất ma mị, ly kỳ như một cuốn truyện trinh thám nhưng cũng mang đầy chất thơ, chất triết luận Đông - Tây. Ngay nhan đề tác phẩm cũng đã gợi lên cho người đọc cảm thức hiện sinh về sự nhỏ bé, hư vô, sự ra đi và sự trở về. Trong *Kinh Thánh* đã nói “người là tro bụi sẽ trở về với tro bụi” có nghĩa khởi nguyên của mọi sự cũng là tro bụi và khi mất đi tất cả lại trở về với tro bụi, đó là quy luật tái sinh và hủy diệt - quy luật sáng thế. Câu chuyện là hành trình con người cô đơn đi tìm cái chết để tìm ra bí ẩn về sự chấm dứt vĩnh viễn của con người trên cõi đời này, tìm mãi nhưng đến khi cận kề cái chết nhân vật không phải tìm ra bí ẩn của cái chết mà tìm ra khát khao sống một cuộc đời đích thực đúng nghĩa, sống bằng niềm tin, cội nguồn, trí nhớ của mình chứ không phải của người khác.

2.2. Con người hiện sinh trong “*Và khi tro bụi*”

Tâm thức hiện sinh của một tác phẩm chính là đề cập đến những khủng hoảng, bi kịch, đau khổ, tan vỡ khi con người nhận ra thân phận nhỏ bé, cô đơn, kiếp trầm luân đời mình trong cõi đời hư vô, phi lý. Điều này được nhà văn thể hiện trong một môtip chung ở các yếu tố nghệ thuật như hình tượng con người, không gian, thời gian, các biểu tượng hiện sinh. Trong phạm vi bài viết nhỏ, bước đầu chúng tôi chỉ khảo sát, nhận diện hình tượng con người hiện sinh trong tiểu thuyết *Và khi tro bụi*.

Trong triết học hiện sinh, theo Jean-Paul Sartre, chủ nghĩa hiện sinh là một chủ nghĩa nhân đạo. Và ông cho rằng, chủ nghĩa nhân đạo này không phải là lý thuyết đề cao lòng thương người, mà là một

học thuyết về con người - một triết học về sự tồn tại của thực thể người trong thế giới. Mục tiêu của nó là mang lại tự do cho con người. Vì vậy, vấn đề mấu chốt trong những tác phẩm văn học hiện sinh chính là vấn đề con người đi tìm bản thể, tìm ý nghĩa tồn tại của con người trong thế giới này. Trong tiểu thuyết *Và khi tro bụi*, hành trình tìm kiếm cái chết của An Mi chính là hành trình đi tìm bản thể của chính mình để biết thực sự mình là ai, mình đến từ đâu. Nhưng rồi trên hành trình dài sống trên những toa tàu đi khắp Châu Âu để tìm kiếm bản ngã, cô cũng bất ngờ khám phá ra bí ẩn về cuộc đời của biết bao người khác, từ đó thấu hiểu được ý nghĩa của sự sống chứ không phải cái chết. Đó là hành trình tự khám phá nhân vị của nhân vật.

2.2.1. Con người tồn tại như một nhân vị

Vấn đề của triết học hiện sinh và văn học hiện sinh là chỉ quan tâm đến con người ở phương diện tồn tại như một nhân vị chứ không phải bản chất và cho rằng, nhân vị (sự hiện hữu) có trước bản chất. Có nghĩa là con người trước hết phải hiện hữu đã, sau đó mới truy tìm, định nghĩa được bản chất của mình. Ngay từ ban đầu, con người không là gì cả, sau đó mới tự tạo nên chính mình. Chủ nghĩa hiện sinh quan niệm, con người không lệ thuộc vào cái gì ngoài sự đối diện với chính bản thân mình và thông qua sự hiện hữu đó tự làm nên bản chất của mình một cách cụ thể.

Bằng cảm thức hiện sinh đó, Đoàn Minh Phượng đã xây dựng nhân vật An Mi với mặc cảm tha hương, lạc loài đi tìm cái chết để bù đắp ngộ về lẽ sống. An Mi xuất hiện ban đầu chỉ như một hữu thể mù mờ về cuộc đời và quá khứ của mình. Vì vậy, ba tháng sau khi người chồng chết trong một vụ tai nạn vì xe rơi xuống núi, khi những sợi dây vô hình gắn kết cô với cuộc đời đã đứt, An Mi quyết định tìm đến cái chết đã được lựa chọn và đi tìm chính mình để “muốn biết mình là ai để ngày tôi chết tôi biết rằng ai đã chết” [2, tr.3]. Bằng cách sống trên những chuyến xe lửa, An Mi sẽ đi nhanh lại mình trong vòng ba tháng, tìm lại bản ngã, nhận thức lại những gì cô còn mơ hồ về chính mình. An Mi chính là một nhân vị đang trong hành trình kiếm tìm và tự định nghĩa về mình: mình là ai? Mình đến từ đâu? Ý nghĩa cuộc sống của mình là gì? Đó là những điều mà nhân vật cần tìm câu trả lời.

Một vấn đề cần lưu tâm là chủ nghĩa hiện sinh quan niệm rằng, trong quá trình tìm kiếm, khẳng định nhân vị, con người cần có những mối liên kết với tha nhân để hoàn thành quá trình truy tìm bản ngã của mình. Bởi con người không tồn tại riêng lẻ mà phải hiện hữu với kẻ khác trong cộng đồng. Ngay từ đầu tác phẩm, An Mi được xây dựng trong mối liên hệ với hai nhân vật quan trọng là người cha nuôi và người chồng. Nhưng cả hai đều chết: người cha nuôi tự sát trong nhà thờ và mẹ nuôi cô cho rằng, nguyên nhân bắt nguồn từ cô; người chồng tử nạn ở một đoạn đèo trong một ngày sương mù. Khi tất cả những mối liên kết duy nhất níu giữ một cô gái tha hương ở một xứ sở lạ lẫm, không người thân đã đứt gãy, An Mi cảm thấy mình hoàn toàn lạc lõng và trống rỗng, không biết mình là ai, đến từ đâu và mình sống để làm gì. Từ đó, cô quyết định tìm đến cái chết nhưng trước khi chết, cô gái phải tìm được câu trả lời cho thân phận của mình. Trên hành trình tìm kiếm lang thang vô định, An Mi bất ngờ phát hiện được câu chuyện nhà Michael qua cuốn nhật ký rồi theo đuổi, giải mã bí mật về mối liên kết giữa những con người như Michael, Marcus, ông Kempf, cô Sophie, Anita, khám phá ra ý nghĩa tồn tại của họ cũng chính là An Mi đã khám phá ra sự hiện hữu của mình. Thông qua cuộc nói chuyện trong tưởng tượng với Anita, An Mi đã nhận ra điều này: “Vậy thì cô nghĩ tới cô chứ đâu phải nghĩ tới tôi. Cô chỉ mượn tôi để có cơ ngồi khóc về chính mình thôi” [2, tr.174]. Lẽ ra, hành trình của An Mi dự định là ba tháng rồi dẫn đến cái chết bằng cách uống thuốc độc tự tử nhưng nó đã kéo dài đến tận hai năm bởi cô còn mãi theo đuổi, khám phá sự thật ở một câu chuyện khác mình. Nhưng điều đặc biệt, câu chuyện ấy lại là điểm tựa An Mi tìm được bản ngã của mình. Vì thế, hành trình đi tìm cái chết của người phụ nữ này lại là hành trình ngăn chặn một cái chết khác. Hai câu chuyện lồng kết vào nhau để truy tìm, lý giải những phức tạp bí ẩn trong đời sống con người thời hiện đại - những thực thể bất toàn, cô đơn, lạc loài, nhiều nỗi đau giữa ranh giới sự sống và cái chết thật mong manh. An Mi dần hiểu rằng, đời sống là bất toàn, nhiều điều bí ẩn khó lòng lý giải một cách rạch ròi tuyệt đối. Có những lúc cô tưởng chừng đã chạm tay được vào sự thật cuối cùng thì lại ngỡ ra, hình như không phải thế, còn biết bao điều ẩn giấu đằng sau đám sương mờ cuộc đời. An Mi dẫn người đọc vào

câu chuyện ly kỳ mà ở đó ranh giới sự thật chỉ là tương đối: Liệu câu chuyện Michael viết trong cuốn nhật ký kia có phải sự thật hay không? Cậu bé ở trại trẻ mồ côi liệu có phải là Marcus? Ông Kempf - bố của Michael có thực sự giết vợ? Anita bỏ đi hay đã chết? Cô Sophie là người tốt hay kẻ xấu, là người đàn bà lằng lộn hay là người đàn bà thánh thiện đem đến cuộc sống an yên cho bố con Michael?,... Từ chính hành trình kiếm tìm câu trả lời, An Mi hiểu rằng, tìm đến cái chết thật dễ dàng nhưng khát khao tìm kiếm sự sống đúng nghĩa, để được là một nhân vị hiện hữu mới đáng quý biết bao giữa cuộc đời đầy bất an này “Sống lại? Để có lại da thịt để biết ấm lạnh? Có lại đôi bàn tay để chơi đàn? Và con tim để buồn thương” [2, tr.162]. An Mi chính là biểu tượng con người hiện sinh trên hành trình đi tìm nhân vị thông qua motif cuộc hành trình, ra đi để chạy trốn, vượt thoát quá khứ nhưng cũng là dần dần tìm kiếm, khẳng định mình.

2.2.2. Con người cô đơn

Trong xã hội hiện đại, cô đơn được coi như một định mệnh tất yếu của con người. Nhân loại cảm thấy mình bơ vơ, lạc lõng trong cuộc đời, vũ trụ bao la. Sự cô đơn ấy không chỉ được sản sinh bởi thời đại đồ vỡ niềm tin với Chúa Trời, thần thánh mà quan trọng hơn chính là con người không tìm được điểm tựa nơi nhau. Sợi dây níu giữ các mối quan hệ gắn bó của con người là mong manh, dễ đứt, mỗi người tạo ra những ốc đảo cho riêng mình. Với chủ nghĩa hiện sinh, cô đơn là một đặc tính tồn tại của con người. Từ ý niệm cuộc đời phi lý, con người bơ vơ trong gia đình, cộng đồng, bị đẩy vào cảnh sống chán nản, vô vị, không có ai thấu hiểu mình và mình cũng không lý giải được cuộc đời.

Con người hiện sinh - những bản thể đầy cô đơn trong tiểu thuyết *Và khi tro bụi* xuất hiện phải chăng từ chính những diễn ngôn thân phận của chính tác giả. Đoàn Minh Phượng rời Việt Nam qua định cư tại Đức khi chưa đầy hai mươi tuổi, sống trong lòng xã hội tư bản với những cách biệt về văn hóa, ngôn ngữ đã tạo nên những mặc cảm văn hóa sâu nặng trong tiềm thức của con người xa xứ. Ở đó, chị nhận ra “mình lạc lõng và luôn có cảm giác mình không tồn tại trên mặt đất. Như thể mình bị cắt rời khỏi phần máu thịt của mình” [4, tr.18]. Nhân vật An Mi trong tác phẩm cũng có nửa đời lưu vong, luôn cảm thấy cô đơn, trống

vắng giữa cộng đồng. An Mi cô đơn bởi sợi dây kết nối cô với xã hội đã đứt “như một loài ma trôi, tôi đã sống ở bên ngoài cuộc đời, vừa sống vừa xóa đi ngày tháng và ký ức” [2, tr.14]. Cô gái cảm thấy mình mất cả trọng lực, như đang rơi trong khoảng không, rất dễ vỡ bởi mặc cảm văn hóa trên đất nước xa lạ “Con người không có quê hương giống như một hạt cỏ đưa đến bám rễ trên vách đá, tôi biết thân phận mình rất dễ vỡ” [2, tr.117]. Rõ ràng, những ám ảnh bản thể cô đơn được nhà văn thể hiện thông qua mặc cảm lưu vong. Nổi trống rỗng, cô đơn của nhân vật An Mi được cô gói gọn trong mấy dòng chữ ghi vào cuốn sổ tay: “Tôi là một đứa trẻ mồ côi. Tôi đến từ một đất nước có chiến tranh”, “Tôi là khách lạ bất cứ đâu”, “Tôi mồ côi, không có quá khứ, tình yêu, mơ ước, tôi không có một cái tên, chân dung hay linh hồn. Tôi là một gian nhà trống,... tôi không có gì để nhớ” [2, tr.115]. Trở lại với chính cuộc đời của nhà văn, tác giả Đoàn Minh Phượng đã từng có thời gian ở Đức gần ba mươi năm, sang Mỹ học nhạc, dang dở rồi dừng lại. Chị từng băn khoăn “người ta khi bỏ đi cái rễ của mình thì cũng không thật sự bám rễ ở đâu được”. Bởi “mỗi con người có một lịch sử cuộc đời riêng. Lịch sử đó tạo nên kỷ niệm, kinh nghiệm và quan niệm cá nhân của họ. Theo tôi, nhà văn luôn phải đối diện với quá khứ, để hiểu nó, để biết mình là ai” [4, tr.19]. Vì thế, cũng như nhân vật của mình, chị luôn hỏi mình là ai? Chị sợ mình đi lạc, mất sợi dây nối với nguồn cội. Có lẽ vì “ít có nỗi cô đơn nào lớn hơn nỗi cô đơn khi người ta tự cắt rời mình khỏi những năm đầu tiên làm người của mình, cắt rời mình khỏi cội nguồn” [4, tr.19].

Ám ảnh cô đơn còn xuất phát từ sự tương đồng số phận của con người trong xã hội đầy bất an - sự tương đồng cuộc đời của An Mi với nhiều tha nhân khác. Trong hành trình kiếm tìm bản thể, đã có lúc An Mi (tưởng) như đã thấy mình trong thân phận bất hạnh của Michael - người trực đêm khách sạn, trong cuộc đời Marcus - một đứa trẻ 7 tuổi với những thương tổn ghê gớm từ ấu thơ, trong số phận tha hương của Anita với những khát khao được sống một cuộc đời ý nghĩa, được là chính mình. An Mi gặp gỡ Michael, cả hai không hề có mối quan hệ gắn bó với nhau nhưng có điểm chung là đều chối bỏ quá khứ - một quá khứ đầy bi kịch. Michael chối bỏ quá khứ có một người cha đã giết mẹ mình, muốn giết nốt đứa em trai; thậm chí chối bỏ người em để

sống cuộc đời êm đẹp với cô Sophie trong một căn nhà quanh năm có hương thơm còn An Mi chối bỏ quá khứ đã xa ở đất nước có chiến tranh để tìm lại được niềm khát khao sống. Đó là sự đồng cảm của An Mi với cậu bé Marcus - em trai của Michael với những tổn thương tâm lý đau đớn về quá khứ. Nếu Marcus mang nỗi đau trong vô thức căm thù người cha độc ác để rồi rơi vào tình trạng rối loạn tâm lý những năm về sau “Em không xem tivi, trị liệu tâm lý với truyện tranh và kể chuyện đều bị từ chối. Phát triển ngôn ngữ kém, hay có những cơn khiếp sợ vào ban đêm” [2, tr.156] thì An Mi đau đớn vì dù không mất trí nhớ như Marcus, nhưng không có gì để nhớ, không có một câu chuyện quá khứ nào để sống trong đó. An Mi lạc lõng cô đơn trong quá khứ của chính mình và cô độc, bất định vì không biết làm gì vào ngày mai và tất cả mọi ngày mai sau đó. An Mi và Marcus đều là những đứa trẻ mồ côi đứng bên ngoài những cánh cửa cuộc đời, bên ngoài sự gắn kết bằng tình yêu và ý nghĩa. Với Anita, trong những giấc mơ, giữa những ảo ảnh, An Mi đã gặp gỡ, nói chuyện và có lúc thấy mình cũng chính là Anita, muốn sống cuộc đời của cô ấy. Người mẹ ấy đã sống với tình yêu, những khát khao vượt qua được đời sống tầm thường, nhàn nhạt để được là chính mình với cuộc đời ý nghĩa. An Mi đã mơ những giấc mơ, buồn những nỗi buồn, mang cả những uất ức của người đã chết để rồi nhận ra dù cuộc đời có khiến con người cô độc đến đâu thì Anita - hay chính An Mi vẫn thương nhớ sự sống, quý báu cái da thịt, cái thân thể còn biết ấm lạnh. Tất cả họ đều là những con người cô đơn trong gia đình của mình và cộng đồng. Ở họ đều thiếu đi một sợi dây kết nối với quá khứ, với tương lai, mà đặc biệt là kết nối giữa người với người. Chỉ cần thiếu đi tình yêu, sự thấu hiểu, con người là một thực thể cô độc giữa cuộc đời. Đọc *Và khi tro bụi* bao giờ cũng thấy hiện lên những hình hài cô độc. Họ khép mình trước thế giới, tự dựng lên những hàng rào tâm lý, buộc mình cách ly với cộng đồng. Dường như những chấn thương và mặc cảm đã làm cho họ thiếu một niềm tin đầy đủ và chắc chắn - một xác tín - về ý nghĩa sự tồn tại của mình.

2.2.3. Con người lo âu, luôn dự cảm về cái chết

Con người hiện sinh luôn hoang mang, âu lo trước hiện thực cuộc sống và trước định mệnh cái chết. Đó là thứ lo âu không có hình hài cụ thể, khi con người mất phương hướng trong cuộc sống, quá khứ là hư không còn tương lai vô định, luôn

cô độc, không có điểm tựa. Lo âu tồn tại đương nhiên và chi phối con người trong mọi hành động, mọi suy nghĩ và mọi sự lựa chọn. Thứ cảm giác này thậm chí có thể khiến con người đau đớn như thể “mũi dao nhọn được cất giấu trong một ngăn kéo vô hình”. Trong suốt hành trình hơn hai năm tìm kiếm nhọc nhằn, An Mi chưa bao giờ xóa được cảm giác bất an, nỗi đau thương tinh thần chuyển hóa thành đau đớn nhục thể “Cả người tôi bất an, ruột tôi quặn lại, tôi lạnh và buồn nôn. Tôi thấy đau đớn, không còn là nỗi đau đớn trong lòng mà là trên thân thể, khi đầu óc tôi mờ đục không còn ý nghĩ nào” [2, tr.168]. Nhưng với con người hiện sinh, lo âu không dẫn con người đến chỗ bất động mà ngược lại thúc đẩy con người hành động, thực hiện những dự phóng. Bởi vậy An Mi phải dần dần tìm kiếm bản ngã của chính mình.

Trong nỗi lo âu ấy, lo âu về cái chết là nỗi ám ảnh lớn nhất. Cái chết vừa như định mệnh vừa là giới hạn sinh tồn lại cũng đồng thời là sự thăng hóa mang giá trị thẩm mỹ cao. “Con người là một hữu thể hướng về cái chết. Chết là hành vi tối hậu của con người và là hành vi tối quan trọng của cuộc đời” (Heidegger). Bao trùm tác phẩm là cảm thức về cái chết, là hành trình con người đi lý giải bí ẩn của cái chết. Ngay từ nhan đề tiểu thuyết, nhà văn đã xây dựng biểu tượng tro bụi như là dấu hiệu cho số phận mong manh của con người, là sự hiện hữu của cái chết. Chồng An Mi bị tai nạn ở một đoạn đèo mù sương vào khoảng 5h chiều ngày 11. Sau đó thân xác của anh cũng thành tro bụi. Biểu tượng tro bụi được lặp lại đến mười lần trong tác phẩm, đó là cốt tro của những con người đã mất đi nhưng cũng là đám tro linh hồn của những người đang sống mà như đã chết: “Tôi không còn gì. Hồn tôi chỉ còn một đám tro” [2, tr.5]. Từ đó, tác phẩm xuất hiện dày đặc sự ám ảnh của cái chết: cái chết của chồng An Mi, hành trình lựa chọn cái chết của chính An Mi, cái chết của người cha nuôi trong nhà thờ, cái chết của Anita, của gia đình An Mi ở đất nước có chiến tranh,... Cái chết xuất hiện không chỉ với cảm thức đau thương, thể hiện sự đứt gãy các mối liên hệ của con người mà quan trọng hơn là bí ẩn về cái chết được giải đáp: Cái chết là điểm kết thúc cũng là điểm bắt đầu. Triết lý Phật giáo phương Đông - cát bụi lại trở về với cát bụi chính là nhận thức về sự ra đi, trở về của thân phận con người trong cõi hư vô. Chết cũng là lúc quay lại bản nguyên của sự sống,

ranh giới sống - chết vì vậy thật mong manh nên cần đón nhận cái chết một bằng một tâm thế an nhiên khi thực sự thấu hiểu về nó. Khi kề cận với cái chết, hơn lúc nào hết An Mi hiểu được ý nghĩa cần phải trân trọng và khát khao sự sống - một sự sống đúng nghĩa. Đó là sự sống an yên trong thế giới đau thương, đầy bất trắc, ở đó con người gắn kết với nhau bằng tình yêu. Cuộc đời này chỉ có thân phận và tình yêu, và tình yêu sẽ cứu rỗi được con người trên cây thập giá của đời. Điều khá độc đáo trong tiểu thuyết đó là sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng hiện sinh với tư tưởng thiền học thông qua hình tượng cô Sophia, qua việc lý giải bí ẩn cái chết bằng cảm thức sắc - không như một ám ảnh của vô thức và tâm linh tạo nên sự kết hợp triết lý Đông - Tây đặc biệt của tác phẩm. Phải chăng qua những diễn giải về lo âu, về cái chết, về những bất an, trắc trở, hiểm nguy, nhà văn hướng người đọc đến thái độ sống an yên, tâm thế đón nhận bình thản với quy luật tồn tại của cuộc đời.

3. Kết luận

Thông qua hình tượng con người hiện sinh, *Và khi tro bụi* trở thành một cuộc tìm kiếm bản thể với những chấn thương đau đớn, đầy giằng xé. Thế giới nhân vật của Đoàn Minh Phượng đầy nỗi bất an khởi nguồn từ những va chạm về văn hoá, từ những ẩn ức, mặc cảm. Nhưng họ khao khát tìm thấy được con người đích thực của mình, tìm thấy tiếng vọng bản thể, để tự lựa chọn thái độ sống, dự phóng tạo ra ý nghĩa cho sự tồn tại của con người. Những con người hiện sinh đã “lùi lại để hiểu, tiến lên để sống”, biết nhìn lại quá khứ để thấu hiểu, cảm thông và dám dấn thân để truy tìm bản ngã, hành động để thay đổi, nhận thức lại đời sống và kết nối với cộng đồng tha nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Đức Hiền, Nguyễn Huệ Chi, Trần Hữu Tá, Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển văn học - Bộ mới*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004.
- [2] Đoàn Minh Phượng, *Và khi tro bụi*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2007.
- [3] Hoàng Văn Thắng, *Quan niệm của Gi.P. Xáctoro về con người trong “Hiện sinh một nhân bản thuyết”*, *Triết học*, số 9(160), 2004.
- [4] Nguyễn Thùy Trang, “*Và khi tro bụi*” của Đoàn Minh Phượng - ám ảnh bản thể hay sự trốn chạy những ẩn ức của con người hiện đại, *Tạp chí Khoa học* - Trường Đại học An Giang, số tháng 3, 2016.